

Bản án số: 217/2019/HS-PT
Ngày 26 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 560/2018/HSPT-TL ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Vũ Hoàng Đ và bị cáo Hồ Thanh T do có kháng cáo của bị cáo Vũ Hoàng Đ và bị cáo Hồ Thanh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Các bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Vũ Hoàng Đ(tên gọi khác: Vũ Kim Đ1), sinh ngày 08/6/1985; Thường trú: số 259, ấp T1, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: số 259, ấp T1, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Phòng thu ngân; Họ tên cha: Vũ Văn T3, sinh năm 1949; Họ tên mẹ Nguyễn Thị M, sinh năm 1951; Họ tên vợ: Vũ Thị Tuyết V- 1985; Có 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/11/2011 (có mặt).

2. Hồ Thanh T, sinh ngày 23/10/1982; Thường trú: số 140, đường C, phường Q, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: 5/7, Khu phố 3, phường B2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng An Bình; Họ tên cha Hồ Sơn D, sinh năm 1959; Họ tên mẹ Nguyễn Thị L sinh năm 1955 Họ tên Chồng: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982; Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/4/2012 đến ngày 20/7/2012 được hủy bỏ biện pháp tạm giam. Ngày 23/06/2014 bị bắt tạm giam lại đến ngày 16/02/2015 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và bị bắt lại ngày 29/2/2016 (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Trương Thị Ngọc T4, Đồng Ngọc T5, Đào Ngọc P, Lại Bá C1).

Trương Thị Ngọc T4 sinh ngày 07/4/1964; thường trú: số 01, Đường 30, Khu phố 7, phường L1, quận T6, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: K1/97, Khu phố 3, phường B2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

Đào Ngọc P, sinh ngày 10/11/1968; thường trú: B3/52, Khu phố 10, phường T7, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Đồng Ngọc T5, sinh ngày 20/9/1976; thường trú: số 21/18, Khu phố 4, phường B2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Lại Bá C1, sinh ngày 19/7/1967; thường trú: số 24/8B, Tổ 17, Khu phố 3, phường Q, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH Một Thành viên Điện Lực X

Địa chỉ: số 01 đường N, Phường T8, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết A và bà Lê Thị Thu H1, Giấy ủy quyền ngày 20/11/2018 (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ quan:

1. Ngân hàng TMCP A1(vắng mặt)

Địa chỉ: số 170 đường H2, Phường Đ2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điện lực B1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 28 đường N, phường Q, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Lê Chí Hoàng T9, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 79/23 đường Huỳnh Văn L2, phường H3, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Phạm Đình T10, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 22/2, đường H4, KP.3, phường Q, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Trịnh Công T11, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 55/3 đường H5, Khu phố 3, phường T7, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng Đ: Ông Nguyễn Thanh T12, luật sư của Công ty luật hợp danh M1, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai và ông Phạm Quốc

V1, luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Thu H6, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thanh T: Ông Lê Quang X1 và ông Nguyễn Văn N1 luật sư của Công ty Luật TNHH MTV H7, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn dân sự Công ty TNHH Một Thành viên Điện Lực X: Ông Hoàng Như V2, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Đại diện Tổ giám định: Ông Trần Quốc T13.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/11/2007 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực X(gọi tắt là Công ty Điện lực X) ký quyết định số 1887/QĐ ngày 28/11/2007 thành lập Điện lực B1. Với chức năng, nhiệm vụ được giao là kinh doanh điện năng; quản lý sửa chữa và vận hành lưới điện; thu quản lý tiền sử dụng điện của các khách hàng theo quy định chế độ kế toán tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực X, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại ngân hàng, được sử dụng con dấu riêng để giao dịch, ký kết hợp đồng trong nhiệm vụ được giao và sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Trực tiếp quản lý trên 100.000 khách hàng sử dụng điện trên địa bàn thành phố B1. Trong đó có 3.590 khách hàng sử dụng điện ngoài sinh hoạt (khách hàng khối cơ quan hành chính, doanh nghiệp). Quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh, Điện lực B1 thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-EVN Việt Nam và Quyết định số 21/QĐ-ĐLĐN3 ngày 07/01/2009 của Giám đốc Công ty Điện lực X. Đây là 02 văn bản có giá trị pháp lý được ban hành để quy định các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong đó có các hoạt động về quản lý kinh tế.

Căn cứ vào chủ trương chung và nhu cầu hợp tác giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với Ngân hàng thương mại cổ phần A1 và căn cứ vào biên bản làm việc giữa Công ty Điện lực X với Ngân hàng TMCP A1 ngày 20/06/2007, hàng năm Điện lực B1 và Sở giao dịch Ngân hàng TMCP A1(đến năm 2010 là Ngân hàng TMCP A1- chi nhánh Đồng Nai gọi tắt là Ngân hàng A1) đều ký kết hợp đồng dịch vụ thu hộ tiền mặt và nhờ thu qua ngân hàng. Theo đó Ngân hàng A1 cử nhân viên đến Điện lực B1 trực tiếp thu tiền điện thay thế thu ngân viên tại quầy của Điện lực, số tiền điện thu được sẽ hạch toán vào tài khoản của Điện lực B1 mở tại Ngân hàng A1 ngay trong ngày làm việc nhằm kiểm soát, quản lý chặt chẽ hoạt động thu nộp và sử dụng tiền kinh doanh điện theo đúng quy định.

Trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2011 các bị cáo Nguyễn Thị T14, Trương Thị Ngọc T4, Đồng Ngọc T5 không thực hiện đúng qui định; cố ý làm trái quy định trong hoạt động thu, nộp tiền điện của khách hàng. Các bị cáo Lại Bá C1, Đào Ngọc P thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành để

cho Vũ Hoàng Đ là nhân viên quản lý hóa đơn kiêm chấm xóa nợ của Phòng thu ngân Điện lực B1 lợi dụng thông đồng với Hồ Thanh T là nhân viên thu ngân của Ngân hàng A1 chiếm đoạt số tiền 9.755.423.447 đồng của Điện lực B1. Hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Về hành vi phạm tội “Tham ô tài sản” của Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T.
Vũ Hoàng Đ là nhân viên Phòng thu ngân Điện lực B1, từ tháng 10/2006. Đ được giao nhiệm vụ quản lý hóa đơn kiêm chấm xóa nợ tiền điện cho khách hàng.

Hồ Thanh T là nhân viên Ngân hàng A1, từ tháng 03/2009 T được Ngân hàng A1 giao nhiệm vụ đến Điện lực B1 để trực tiếp thu tiền điện bằng hình thức thu tiền mặt của khách hàng dùng điện sinh hoạt (hộ gia đình) nộp tại quầy. Đến tháng 09/2009 T được phân công nhiệm vụ thu tiền điện của khách hàng sử dụng điện ngoài sinh hoạt. Từ tháng 02/2010 T được giao làm Tổ trưởng tổ thu ngân của Ngân hàng A1 tại Điện lực B1.

Đối với hình thức thu tiền mặt tại quầy được thực hiện như sau: Hàng ngày, Đ nhận được giấy báo nộp tiền điện của khách hàng đến nộp tiền điện, Đ lấy hóa đơn tiền điện của khách hàng do mình quản lý đưa cho T trực tiếp thu tiền và trả hóa đơn (liên 2) cho khách hàng. Sau khi T thu tiền của khách hàng, Đ tiến hành xóa nợ cho khách hàng. Cuối ngày T và Đ tiến hành đối chiếu số tiền đã thu trong ngày thể hiện trên các hóa đơn (liên 1) mà Đ đã giao cho T. Sau đó Đ viết phiếu nộp tiền theo mẫu của Ngân hàng A1 và ký ở mục người nộp tiền, T ký mục người thu tiền trên phiếu thu rồi T giao tiền điện đã thu được trong ngày của khách hàng cho thủ quỹ của Ngân hàng A1 để chuyển về Ngân hàng A1, nộp vào tài khoản chuyên thu số 0081000424005 của Điện lực B1. Đ có nhiệm vụ lập, in bảng kê chi tiết khách hàng nộp tiền đã được chấm xóa nợ trong ngày (theo chương trình quản lý thông tin khách hàng - Cmis) và ký xác nhận trên bảng kê này để chuyển trực tiếp cho Trương Thị Ngọc T4 và Đồng Ngọc T5 là Tổ trưởng tổ thu ngân quầy. T4, T5 có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu chi tiết giữa chứng từ thu, nộp tiền của khách hàng với kết quả chấm xóa nợ do Đ thực hiện, ký kiểm soát và chuyển chứng từ cho Nguyễn Thị T14 - kế toán chuyên thu của Phòng kế toán tài vụ. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu chi tiết giữa chứng từ và kết quả chấm xóa nợ của tổ thu ngân quầy, Nguyễn Thị T14 lập các lệnh nhập ngân và hạch toán vào tài khoản thu tiền điện theo quy định.

Đối với hình thức thu bằng ủy nhiệm chi (UNC), ủy nhiệm thu (UNT) và ATM được thực hiện như sau:

Sau khi Nguyễn Thị T14 - kế toán chuyên thu của Điện lực B1 đến các Ngân hàng nơi Điện lực B1 mở tài khoản để lấy chứng từ thanh toán của khách hàng gồm: giấy báo có, giấy nộp tiền, sổ phụ các tài khoản về giao cho Trương Thị Ngọc T4, Đồng Ngọc T5. Sau khi kiểm tra T4, T5 giao lại cho Vũ Hoàng Đ, Đ căn cứ số tiền khách hàng thanh toán và thực hiện nhiệm vụ chấm xóa nợ cho khách hàng.

Theo Quyết định số 01/QĐ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Quyết định số 21/QĐ của Công ty TNHH MTV Điện lực X quy định: Tiền thanh toán của khách hàng nào phải xóa nợ cho khách hàng đó; tiền thanh toán của kỳ, tháng nào phải xóa nợ đúng kỳ, tháng đó; tiền thanh toán trên giấy báo có ngày nào phải xóa nợ đúng ngày đó; khách hàng thanh toán bằng phương thức nào phải xóa nợ đúng với phương thức đó. Sau khi chấm xóa nợ, Đ ký xác nhận và chuyển lại cho Tổ trưởng thu ngân quầy kiểm tra, đối chiếu chi tiết trước khi ký kiểm soát và chuyển lại chứng từ cho Nguyễn Thị T14 để kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu chi tiết số liệu một lần nữa trước khi hạch toán vào tài khoản theo quy định.

Tuy nhiên, từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2011, Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T đã không thực hiện đúng quy định nêu trên của ngành điện mà lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn được giao thông đồng với nhau thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Đối với khách hàng nộp tiền điện bằng tiền mặt tại quầy, sau khi T thu tiền mặt của khách hàng, T và Đ thống nhất với nhau không giao nộp hết cho thủ quỹ Ngân hàng A1 mà giữ lại một phần để chiếm đoạt. Sau đó Đ thực hiện việc chấm xóa nợ bằng cách lấy số tiền của các khách hàng thanh toán bằng hình thức ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu nhưng Đ không chấm xóa nợ hết để chấm xóa nợ cho những khách hàng nộp tiền mặt tại quầy mà Đ và T giữ lại tiền mặt.

Đối với khách hàng thanh toán tiền điện bằng hình thức ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu Đ không chấm xóa nợ hết cho tất cả khách hàng mà một số khách hàng Đ chỉ chấm xóa nợ một phần, phần còn lại Đ sử dụng chấm xóa nợ cho khách hàng nộp tiền mặt mà Đ, T giữ lại chiếm đoạt và khách hàng đã thanh toán tiền bằng ủy nhiệm chi từ trước nhưng Đ chưa chấm xóa hết nợ. Đ lấy ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi của khách hàng sau chấm xóa khách hàng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi trước.

Ngày 06/02/2012 Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực X, thành lập đoàn kiểm tra mới phát hiện làm rõ việc thất thoát tiền tại Phòng thu ngân của Điện lực B1. Số tiền mà Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T chiếm đoạt là 9.755.423.447 đồng. Quá trình điều tra gia đình bị cáo Vũ Hoàng Đ đã nộp 1.100.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại số tiền này cho Công ty Điện lực X.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2014/HSST ngày 23/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, điểm g, i khoản 1 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 đối với Hồ Thanh T), xử phạt: Vũ Hoàng Đ 20 năm tù, Hồ Thanh T 18 (mười tám) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Hoàng Đ tiếp tục bồi thường 4.400.423.447 đồng; Hồ Thanh T tiếp tục bồi thường 4.255.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV Điện Lực X.

Ngoài ra, còn có bị cáo Trương Thị Ngọc T4 bị xử phạt 03 năm 02 tháng 01 ngày tù, bị cáo Đồng Ngọc T5 bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng

án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án; bị cáo Đào Ngọc P bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án; bị cáo Lại Bá C1 bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án; bị cáo Đồng Ngọc T5 bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự.

Ngày 26/6/2014 bị cáo Vũ Hoàng Đ kháng cáo cho rằng không phạm tội "Tham ô tài sản".

Ngày 07/7/2014 bị cáo Đồng Ngọc T5 kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 721/2014/HSPT ngày 04/11/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm với lý do: Đề nghị làm rõ số tiền cụ thể từng bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu để làm căn cứ định khung và lượng hình, cũng như xác định trách nhiệm dân sự cho từng bị cáo, xem xét trách nhiệm của Ban lãnh đạo Điện lực B1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 đối với Hồ Thanh T), xử phạt: Vũ Hoàng Đ 18 năm tù, Hồ Thanh T 16 năm tù về tội "Tham ô tài sản". Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Hoàng Đ tiếp tục bồi thường 3.777.711.723 đồng; Hồ Thanh T tiếp tục bồi thường 4.877.711.723 đồng cho Công ty TNHH MTV Điện Lực X.

Các bị cáo Trương Thị Ngọc T4 bị xử phạt 03 năm 02 tháng 01 ngày tù, bị cáo Đồng Ngọc T5 bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án; bị cáo Đào Ngọc P bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án; bị cáo Lại Bá C1 bị xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2016 và ngày 29/3/2016, bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T kháng cáo kêu oan.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 219/2017/HSPT ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm số 15/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do: Tại bản án phúc thẩm số 721/2014/HSPT ngày 04/11/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai yêu cầu làm rõ số tiền cụ thể từng bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu. Nhưng cơ quan điều tra không tiến hành làm rõ. Đây là cơ sở để cá thể hóa hình phạt khi lượng hình cũng như xác định trách nhiệm dân sự

buộc từng bị cáo phải bồi thường. Số tiền thất thoát được xác định bằng tài liệu, báo cáo kiểm tra nội bộ do Điện lực B1 lập ra chưa được xác định bằng kết quả kiểm toán các báo cáo tài chính của cơ quan kiểm toán. Cần phải tiến hành kiểm toán tài chính để xác định cụ thể số tiền bị thất thoát, thời gian bị thất thoát và từng khoản cụ thể.

Tại Quyết định số 13/2018/HS- GĐT ngày 09/8/2018, Tòa án nhân dân tối cao đã hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 219/2017/HSPT ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo thủ tục chung.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T kêu oan vì cho rằng các bị cáo không phạm tội tham ô tài sản như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2011 các bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T đã không thực hiện đúng quy định của ngành điện mà lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn được giao thông đồng với nhau thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản. Đối với khách hàng nộp tiền mặt tại quầy, sau khi thu tiền của khách hàng, T và Đ thống nhất với nhau không giao nộp hết cho thủ quỹ Ngân hàng A1 mà giữ lại một phần để chiếm đoạt. Sau đó Đ thực hiện việc chấm xóa nợ bằng cách lấy số tiền của khách hàng thanh toán bằng hình thức ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu nhưng Đ không chấm xóa nợ hết, để chấm xóa nợ cho khách hàng nộp tiền mặt tại quầy mà Đ và T giữ lại tiền mặt. Còn đối với khách hàng thanh toán bằng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi Đ không cần chấm xóa nợ hết cho tất cả khách hàng mà một số khách hàng Đ chỉ chấm xóa nợ một phần, phần còn lại Đ sử dụng chấm xóa nợ cho khách hàng nộp tiền mặt mà Đ và T giữ lại để chiếm đoạt và khách hàng đã thanh toán bằng ủy nhiệm chi từ trước nhưng Đ chưa chấm xóa hết nợ. Đ lấy ủy nhiệm thu ủy nhiệm chi của khách hàng sau chấm xóa nợ cho khách hàng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi trước. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Đ cho rằng số tiền thất thoát không biết, bị cáo T khai làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Đ. Căn cứ lời khai của bị cáo Đ tại cơ quan điều tra, có luật sư H8 tham gia (Bút lục 298-301, 315-316), bị cáo được cho xem các chứng từ, việc chấm xóa nợ, bảng tổng hợp đối chiếu, bị cáo xác định kết luận của Đoàn thanh tra là đúng về số tiền bị cáo chiếm đoạt (Bút lục 7952-7954). Lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra thừa nhận đưa tiền cho Đ, không có ký nhận, giữ lại 08-09 tỷ, đưa cho Đ từ 500 -700 triệu, Đ chi 1,5 tỷ đồng, tự ý thu giữ lại tiền trái quy định (Bút lục 404-407) và phiên tòa sơ thẩm lần 1 bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội Tham ô tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo kêu oan là hoàn toàn không có căn cứ để chấp nhận. Hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư V1 bào chữa cho bị cáo Đ có ý kiến: Đây là vụ án các bị cáo bị truy tố về tội Tham ô nên phải làm rõ số tiền thất thoát. Số tiền có bị thất thoát hay không, trong giai đoạn nào và liên quan đến ai. Trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Viện kiểm sát, Công an và Tòa án tỉnh Đồng Nai dựa vào kết luận giám định của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai, không đề cập đến báo cáo tài chính cuối năm và báo cáo kiểm toán. Hàng năm, Công ty Điện lực X phải có báo cáo tài chính kế toán. Số liệu năm 2007, 2008, 2009, 2010 đã được công bố, đã được kiểm toán, có giá trị pháp lý. Pháp luật cũng quy định giá trị pháp lý của báo cáo kiểm toán. Kết luận của Sở Tài chính không có giá trị pháp lý. Công ty Điện lực X cho rằng năm nào cũng có báo cáo, phủ nhận báo cáo, số liệu khai báo với cấp trên không có giá trị pháp lý, do đó, phải xem xét các năm trước đó, liên quan đến người nào, trách nhiệm của Nhà nước trong công tác quản lý. Số liệu mất trong giai đoạn nào, liên quan đến ai, đề nghị tiến hành theo qui định chung. Kết luận giám định không khách quan, lạm quyền. Bị cáo Đ kêu oan về tội Tham ô, bị cáo Đ thừa nhận có những sai phạm nhất định. Sổ nhập chờ thực hiện trước đó nhiều lần hay từ năm 2009-2011, có sai phạm của các năm trước chuyển qua không. Xem xét hồ sơ kế toán, không thu thập đầy đủ, phải điều tra bổ sung, trưng cầu Hội đồng giám định tư pháp độc lập.

Luật sư T12 bào chữa cho bị cáo Đ có ý kiến: Giá trị pháp lý thu tiền mặt của Công ty Điện Lực B1 và Ngân hàng A1, các bên đã thực hiện hợp đồng, xác định trách nhiệm dân sự của ngân hàng A1, vai trò của bị cáo T. Sổ nhập chờ lập từ năm 2006-2010, kiểm tra số liệu trong sổ với bị cáo trong phòng thu ngân, ý nghĩa và giá trị pháp lý, sự tồn tại của sổ này. Bị cáo Đ nghĩ thì ai chấm xóa, chiếm đoạt tài sản. Cần làm rõ số tiền Công ty Điện Lực B1 thất thoát, xác định số tiền từ T thu hộ đến khi thực tế thanh toán vào ngân hàng A1. Tại Điều 5 của hợp đồng cũng đã quy định rõ, ngân hàng chịu trách nhiệm, T đại diện cho ngân hàng. T sử dụng biểu mẫu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của ngân hàng, trách nhiệm với số tiền thu được, ngân hàng thu thì phải chịu trách nhiệm với Công ty Điện Lực B1. Số tiền thất thoát của ngân hàng hay của Công ty Điện Lực B1 để xem xét tội danh, trách nhiệm của các bị cáo. Chương trình Cmis là chương trình mở, cơ quan điều tra không phong tỏa máy tính, không đánh giá việc sử dụng chương trình này. Cơ quan điều tra cáo buộc các bị cáo đã tác động vào chương trình thay đổi số liệu. Sổ nhập chờ, bị cáo nhập công khai số liệu, sổ này có bị cáo T4 và P. Năm 2006 bị cáo T4, năm 2007 H9 (74 lần), P (31 lần), Đ(2009-2010). Ông S, Đ3 thừa nhận thực hiện chương trình chấm xóa nợ này. Quá trình của dòng tiền: đối chiếu hóa đơn chứng từ phát ra và thu về, phát hiện số tiền chênh lệch, số tiền thất thoát. Biên bản kết luận qua công tác thanh tra, kiểm tra, kết luận không khách quan, sử dụng số liệu của Công ty Điện Lực B1 cung cấp. Trách nhiệm của bị cáo Đ, Tòa án tỉnh Đồng Nai trả hồ sơ để cá thể hóa trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát tỉnh Đồng nai không thực hiện. Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đã lập luận các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới, không cần kiểm toán là không đúng. Để xác định trách nhiệm dân sự phải xác định mỗi bị cáo còn nợ bao nhiêu. Số liệu bị cáo T nói không rõ ràng, không đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ chiếm đoạt bao nhiêu. Bị cáo Đ

thừa nhận đưa tiền cho bà P và đã khắc phục số tiền đó. Lời khai T thay đổi nhiều lần, khi phúc cung bị cáo chỉ thừa nhận khoảng 02 tỷ đồng. Bị cáo Đ thừa nhận sai qui trình, việc sai qui trình có dẫn đến thất thoát số tiền nêu trên không. Đề nghị huỷ án, điều tra xét xử lại.

Bị cáo Đ trình bày: Thống nhất ý kiến của các luật sư, không bổ sung thêm.

Luật sư Nguyễn Văn N1 bào chữa cho bị cáo Hồ Thanh T có ý kiến: Vai trò của bị cáo T thu hộ tiền điện, không có quyền quyết định số tiền này, giữ lại số tiền bao nhiêu, thực hiện theo yêu cầu của người đại diện Công ty Điện lực, thực hiện theo yêu cầu của Đ. Bị cáo không biết Đ sử dụng và chiếm đoạt tiền. Chấm xóa nợ là công việc nội bộ, bị cáo T không biết quy trình chấm xóa nợ. Công ty Điện lực B1 cho rằng T, Đ chiếm đoạt tài sản, T giữ lại tiền và giao cho Đ sử dụng là không đúng, ý chí của hai bị cáo khác nhau. Vụ án không có đồng phạm vì không có sự bàn bạc ngay từ đầu. Bị cáo T không chiếm đoạt, không hưởng lợi. Số tiền bị cáo T giữ lại đưa hết cho Đ. Đ có trả thì nộp lại ngay. Áp dụng tội phạm đối với T không đúng, T không đồng phạm tội Tham ô. T sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ, không biết hậu quả xảy ra. Số tiền thất thoát, đồng tình với các luật sư bào chữa cho Đ, không xác định số tiền chiếm đoạt, chia đều trách nhiệm là không đúng. Bị cáo T thu tiền theo yêu cầu của Đ. Bị cáo T không biết giữ tiền lại làm gì, chỉ thực hiện theo yêu cầu của Đ. Cui liên 1 đã bị thất thoát.

Luật sư X1 bào chữa cho bị cáo Hồ Thanh T có ý kiến: Bị cáo T có ghi lại trong cùi lưu Công ty Điện lực giữ nhưng công ty nói thất lạc. Bị cáo không hề cấu kết chiếm đoạt. Bị cáo T liên quan đến tiền mặt, không liên quan đến ủy nhiệm chi, chấm xóa nợ. Cần phân định rõ bị cáo T tham gia như thế nào, cần xem xét trách nhiệm dân sự của các bên để xác định trách nhiệm hình sự và tội danh. Không đồng ý truy cứu T về tội Tham ô. Chủ thể liên quan trực tiếp bồi thường là ngân hàng A1.

Bị cáo Hồ Thanh T có ý kiến: Thống nhất ý kiến của các luật sư, không bổ sung thêm.

Luật sư V2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Điện lực X trình bày: Công ty Điện lực X đồng ý với án sơ thẩm về tội danh. Trách nhiệm dân sự đồng ý nhận định của án giám đốc thẩm, đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tòa. Đồng ý với các ý kiến của các luật sư trách nhiệm dân sự, một phần liên đới là ngân hàng A1. Bị cáo Đ là người trực tiếp chiếm đoạt, bị cáo T đồng phạm liên đới. Công ty Điện lực X đã phân cấp cho Điện lực B1, cấp phần mềm cho cơ sở, có kiểm tra, kiểm toán, các Điện lực khác nhân viên thực hiện tốt, không xảy ra sai sót. Điện lực B1 quản lý 125.000 hợp đồng, 1.500.000 hóa đơn, quản lý qua các trưởng đầu ngành. Các cuộc thanh tra lấy mẫu đại diện. Do con người thực hiện sai nên chương trình Cmis không phát huy tác dụng. Tính hợp pháp, tính chính xác số liệu thiệt hại: đồng ý lập luận của Viện kiểm sát. Số liệu của Đoàn kiểm tra nội bộ thực hiện trong sáu tháng được giám định thiệt hại, có kết luận của Sở Tài chính và kết luận bổ sung. Các

luật sư đề nghị đưa vai trò trách nhiệm của ngân hàng A1, bị cáo T là người của ngân hàng A1, xem xét trách nhiệm của ngân hàng A1, chấp nhận yêu cầu của Công ty Điện lực X.

Đại diện Tổ giám định ông Trần Quốc T13 có ý kiến: Kết luận của Tổ giám định Sở Tài chính là một trong những chứng cứ của rất nhiều chứng cứ. Các luật sư đổ lỗi cho kết luận giám định là không đúng. Kết luận giám định căn cứ vào Luật kế toán năm 2005, luật Điện Lực, Nghị định, Thông tư, Quyết định nội bộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, quy chế của Tổng Công ty Điện lực X, báo cáo tài chính không thể hiện số liệu thất thoát vì hình thức gây thiệt hại. Bị cáo Đ có hành vi lấy tiền của các đơn vị chuyển khoản, bù vào tiền điện của khách hàng nộp tiền mặt, lấy tiền của người sau xóa nợ người trước. Hàng tháng có gởi đầu. Hành vi rất tinh vi, khó phát hiện. Bị cáo bị phát hiện vì có một đơn vị doanh nghiệp khiếu nại, người dân khiếu nại đã đóng tiền và bị cúp điện nên công ty mới thành lập Đoàn kiểm tra phát hiện hành vi sai trái. Doanh nghiệp Nhà nước thuê kiểm toán, đưa hồ sơ thì kiểm toán làm. Kiểm toán theo hồ sơ, không phát hiện thất thoát trong báo cáo tài chính vì ẩn trong công nợ khách hàng phải thu. Khi phân tích trách nhiệm của Công ty Điện lực X và kiểm toán Nhà nước, kiểm toán Nhà nước chọn mẫu thực hiện khoảng 05-10 ngày, không thể buộc họ phải chịu trách nhiệm trong quá trình dài của công ty; trách nhiệm của Công ty Điện lực X đã phân cấp cho Điện lực B1 nên kết luận giám định không xem xét nội dung trách nhiệm này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tranh luận: Tính số tiền thất thoát là quan điểm đánh giá chứng cứ. Số tiền được chứng minh cụ thể trên tài liệu chứng cứ thu thập được, tài liệu gửi về ngân hàng, hồ sơ khách hàng chuyển tiền. Phương thức thủ đoạn của Đ, T thực hiện gian dối không phát hiện được, phát hiện trên cơ sở tố cáo của khách hàng. Cơ quan điều tra phải tìm lại chứng cứ, đối chiếu số liệu với khách hàng. Báo cáo được đối chiếu với cơ quan chức năng và khách hàng. Đánh giá chứng cứ phải toàn diện. Bị cáo T, Đ từ giai đoạn điều tra, phiên tòa sơ thẩm lần 1 đều thừa nhận việc chiếm đoạt. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Tham ô tài sản, không cần thiết phải kiểm toán. Tìm lại quá khứ để chứng minh hành vi phạm tội cho triệt để, kết luận bị cáo phạm tội gì thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng. Giai đoạn đầu các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, số tiền cụ thể, sau đó các bị cáo mới không thừa nhận. Chứng minh số tiền thất thoát, số tiền chiếm đoạt, các bị cáo đổ lỗi cho nhau, với quy định của pháp luật thì chia bằng nhau. Luật sư bị cáo T cho rằng T không phạm tội, không bàn bạc, làm theo chỉ đạo của Đ. Nếu không có T thì bị cáo Đ không thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T thu tiền nhiều, giao ít. Đánh giá chứng cứ qua nhiều năm, bị cáo T biết bị cáo Đ chiếm đoạt tài sản, được bị cáo Đ cho tiền, bị cáo T thừa nhận tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm lần 1. Bị cáo Tc đồng phạm giúp sức với bị cáo Đ nhưng là đồng phạm gián tiếp, không bàn bạc chia lợi nhuận cụ thể.

Luật sư T12 bào chữa cho bị cáo Đ tranh luận: Công ty có yêu cầu kiểm toán độc lập, không phát hiện sai phạm, báo cáo này không lưu vào hồ sơ vụ án.

Không đồng ý số tiền thất thoát là ẩn trong công nợ. Tài liệu chứng cứ không nói được vấn đề này. Các bị cáo đổ lỗi cho nhau phải chịu trách nhiệm dân sự chia đôi, trách nhiệm hình sự khác nhau là không hợp lý.

Luật sư V1 bào chữa cho bị cáo Đ tranh luận: Tài liệu của các bị cáo T, Đ khai trước đây. Bị cáo T có quyền đính chính lại lời khai. Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính hàng năm đều có, không đồng ý số liệu ẩn.

Luật sư X1 bào chữa cho bị cáo Hồ Thanh T tranh luận: Nếu đánh giá tài liệu toàn diện thì liệu hai bị cáo có thể thực hiện hành vi và qua mặt cả hệ thống Công ty Điện lực được không. Đề nghị xác định trách nhiệm của ngân hàng, vai trò của T, Đ cầm tiền, đưa cho ai không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tranh luận: Xác định trách nhiệm dân sự liên đới, trách nhiệm hình sự có phân hóa vai trò. Vai trò chính là bị cáo Đ, Đ chỉ đạo cho T. Đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo, việc chiếm đoạt cá nhân của các bị cáo, người đại diện cho Công ty Điện lực bị cáo Đ có lỗi, chỉ đạo cho bị cáo T. Bị cáo T đại diện cho ngân hàng. Bị cáo Đ, T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của Nhà nước nằm ngoài kiểm soát của Công ty Điện lực X và ngân hàng A1.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thực hiện chủ trương chung và nhu cầu hợp tác giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với Ngân hàng TMCP A1, Công ty Điện lực X và Ngân hàng TMCP A1- chi nhánh Đồng Nai ký kết hợp đồng dịch vụ thu hộ tiền mặt và nhờ thu qua Ngân hàng. Theo đó Ngân hàng A1 cử nhân viên đến Điện lực B1 trực tiếp thu tiền điện thay thế thu ngân viên tại quầy của Điện lực. Số tiền thu được sẽ hạch toán vào tài khoản của Điện lực B1 mở tại Ngân hàng A1 ngay trong ngày làm việc nhằm kiểm soát, quản lý chặt chẽ hoạt động thu nộp và sử dụng tiền kinh doanh điện theo đúng quy định.

[1.1] Vũ Hoàng Đ là nhân viên Phòng thu ngân Điện lực B1 được giao nhiệm vụ quản lý hóa đơn kiêm chấm xóa nợ tiền điện cho khách hàng. Hồ Thanh T là nhân viên Ngân hàng A1 được giao nhiệm vụ đến Điện lực B1 để trực tiếp thu tiền điện bằng hình thức thu tiền mặt của khách hàng dùng điện nộp tại quầy.

[1.2] Hàng ngày, Đ nhận được giấy báo nộp tiền của khách hàng đến nộp tiền điện, Đ lấy hóa đơn tiền điện của khách hàng do mình quản lý đưa cho T trực tiếp thu tiền và tra hóa đơn (liên 2) cho khách hàng. Sau khi T thu tiền của khách hàng, Đ tiến hành xóa nợ cho khách hàng. Cuối ngày T và Đ đối chiếu số tiền đã thu trong ngày thể hiện trên các hóa đơn (liên 1) mà Đ đã giao cho T. Sau đó Đ viết phiếu nộp tiền theo mẫu của Ngân hàng A1 và ký ở mục người nộp tiền, T ký mục người thu tiền trên phiếu thu rồi T giao tiền điện đã thu được

trong ngày của khách hàng cho thủ quỹ của Ngân hàng A1 để chuyển về Ngân hàng A1, nộp vào tài khoản chuyên thu của Điện lực B1.

[1.3] Đối với hình thức thu bằng ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu và ATM được thực hiện như sau: sau khi kế toán chuyên thu của Điện lực B1 đến các Ngân hàng nơi Điện lực B1 mở tài khoản để lấy chứng từ thanh toán của khách hàng đem về giao cho tổ trưởng tổ thu ngân. Sau khi tổ trưởng tổ thu ngân kiểm tra thì giao lại cho Đ, Đ căn cứ số tiền khách hàng thanh toán và thực hiện nhiệm vụ chấm xóa nợ cho khách hàng.

[1.4] Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2011 Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T đã không thực hiện đúng quy định nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội như sau: Đối với khách hàng nộp tiền mặt tại quầy, sau khi thu tiền của khách hàng, T và Đ thống nhất với nhau không giao nộp hết cho thủ quỹ Ngân hàng A1 mà giữ lại một phần để chiếm đoạt. Sau đó Đ thực hiện việc chấm xóa nợ bằng cách lấy số tiền của khách hàng thanh toán bằng hình thức ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu nhưng Đ không chấm xóa nợ hết, để chấm xóa nợ cho khách hàng nộp tiền mặt tại quầy mà Đ và T giữ lại tiền mặt. Còn đối với khách hàng thanh toán bằng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi Đ không cần chấm xóa nợ hết cho tất cả khách hàng mà một số khách hàng Đ chỉ chấm xóa nợ một phần, phần còn lại Đ sử dụng chấm xóa nợ cho khách hàng nộp tiền mặt mà Đ và T giữ lại để chiếm đoạt và khách hàng đã thanh toán bằng ủy nhiệm chi từ trước nhưng Đ chưa chấm xóa hết nợ. Đây ủy nhiệm thu ủy nhiệm chi của khách hàng sau chấm xóa nợ cho khách hàng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi trước.

[2] Căn cứ báo cáo ngày 15/03/2012 của Điện lực B1 về danh sách xác nhận nợ từ năm 2007 đến tháng 10/2011; Báo cáo ngày 18/06/2012 của Điện lực B1 về tổng hợp kết quả đối chiếu công nợ từ năm 2007 đến tháng 10/2011; Các bảng đối chiếu chứng từ với kết quả chấm xóa nợ của Đoàn công tác đã kiểm tra từng tháng từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2011 được các bị cáo ký xác nhận; Biên bản kết luận của Đoàn kiểm tra ngày 11/6/2012; Kết luận giám định số 4113/STC-TTr ngày 05/11/2012 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai; Công văn số 650/PCĐN-3-PCĐN-4 ngày 03/03/2015 của Công ty Điện lực X và Kết luận giám định bổ sung số 2255/STC-KLGD ngày 11/06/2015 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai, xác định số tiền Hồ Thanh T và Vũ Hoàng Đ đã chiếm đoạt của Điện lực B1 là 9.755.423.447 đồng.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Quyết định số 13/2018/HS- GĐT ngày 09/8/2018, Tòa án nhân dân tối cao đã hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 219/2017/HSPT ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

[3.1] Xét kháng cáo của bị cáo Đ, bị cáo T và đề nghị của các luật sư, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T về tội “Tham ô tài sản” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ đầy đủ cho các bị cáo, phân tích vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự, hình phạt phù hợp quy định pháp luật.

Về phân trách nhiệm dân sự: Sau khi thụ lý xét xử sơ thẩm lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã hai lần trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, có nội dung làm rõ tổng số tiền Hồ Thanh T đưa cho Vũ Hoàng Đ, số tiền T được hưởng lợi. Tuy nhiên, việc giao nhận tiền giữa Đ và T không có sổ sách ghi chép, lời khai của Đ và T về việc giao nhận tiền không thống nhất, nhiều mâu thuẫn nên quá trình điều tra lại, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không xác định được cụ thể mỗi bị cáo chiếm đoạt bao nhiêu tiền để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

Căn cứ quy định tại Điều 616 Bộ luật dân sự năm 2005 thì "Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người; nếu không xác định được mức độ lỗi thì họ phải bồi thường theo phần bằng nhau". Do đó, Đ và T cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền chiếm đoạt cho Công ty TNHH MTV Điện Lực X, theo phần bằng nhau. Bị cáo Đ đã nộp 1.100.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về trách nhiệm liên đới bồi thường của Đ và T đối với số tiền chiếm đoạt nhưng khi quyết định về phân trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm lại không quyết định về trách nhiệm liên đới bồi thường mà chỉ buộc Vũ Hoàng Đ tiếp tục bồi thường 3.777.711.723 đồng và Hồ Thanh T tiếp tục bồi thường 4.877.711.723 đồng cho Công ty TNHH MTV Điện lực X là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự về trách nhiệm liên đới bồi thường của Đ và T, giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt.

Các ý kiến của luật sư không thống nhất với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3.2] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3.3] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T.

Giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Bị cáo Vũ Hoàng Đ 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2011.

Cấm Vũ Hoàng Đ đảm nhiệm chức vụ thời hạn 05 năm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Bị cáo Hồ Thanh T 16 (mười sáu) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29/02/2016 nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/4/2012 đến ngày 20/7/2012 và từ ngày 23/6/2014 đến ngày 16/02/2015.

Cấm Hồ Thanh T đảm nhiệm chức vụ thời hạn 05 năm.

Sửa án sơ thẩm về trách nhiệm liên đới.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Hoàng Đ và bị cáo Hồ Thanh T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền chiếm đoạt là 9.755.423.447 đồng cho Công ty TNHH MTV Điện Lực X, theo phần bằng nhau, cụ thể bị cáo Vũ Hoàng Đ và bị cáo Hồ Thanh T mỗi người phải nộp 4.877.711.723 đồng (Bị cáo Đ đã nộp 1.100.000.000 đồng).

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm 15/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Vũ Hoàng Đ và Hồ Thanh T, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai (Để tổng đạt cho bị cáo);
- NĐDS;
- NLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai
(Đề tổng đạt cho bị cáo) (3);
- Bị cáo tại ngoại (4);
- NĐDS (1);
- NLQ (5);
- Lưu (3) T.14.

.

Đinh Ngọc Thu Hương

